

Bản án số: 18/2022/KDTM-ST

Ngày: 18-02-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Phương Châm

Bà Võ Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2020/TLST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6603/2021/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2022/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Số Z đường N, Phường J, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông M, sinh năm 1984; Địa chỉ: T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 101/2022/GUQ-CNTB ngày 16 tháng 02 năm 2022)

Bị đơn: Công ty CP Đầu tư G

Địa chỉ trụ sở: Số I đường H, phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu phố V, phường T, Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa là người đại diện theo pháp luật

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2020 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ông M đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Công ty CP Đầu tư G có ký Hợp đồng tín dụng số LD1732400810 ngày 20 tháng 11 năm 2017 kèm theo Phụ lục tài sản bảo đảm và Phụ lục các điều khoản chung, nội dung hợp đồng: Nguyên đơn cho bị đơn vay 559.000.000 đồng để mua xe ô tô; Lãi suất 11,5%/năm trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này lãi suất toàn bộ dư nợ vay điều chỉnh theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 4%/năm theo khung lãi suất hiện hành và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo quy định; Thời hạn vay 06 năm; Trả vốn, lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần: Số kỳ trả nợ 72 kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 05 tháng 12 năm 2017, số tiền trả mỗi kỳ 7.763.899 đồng, số tiền trả kỳ cuối 7.763.881 đồng.

Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng nêu trên là xe ô tô con X biển số 51G-506.48, số khung RLLJA695EGH941515, số máy F18D4163140398 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 320588 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bị đơn ngày 14 tháng 11 năm 2017) theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải hình thành trong tương lai số LD1732400810/HĐTC ngày 20 tháng 11 năm 2017 và được đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm số đăng ký 1269479517 ngày 21 tháng 11 năm 2017.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn 559.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số LD1732500703 ngày 21 tháng 11 năm 2017.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 15 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ nợ vay của bị đơn sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 18 tháng 02 năm 2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn 325.289.616 đồng, gồm:

- 277.614.128 đồng nợ gốc;
- 32.345.002 đồng nợ lãi trong hạn;
- 12.888.708 đồng nợ lãi quá hạn;
- 2.441.778 đồng tiền lãi chậm trả của tiền lãi trên nợ gốc.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 325.289.616 đồng còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 19 tháng 02 năm 2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mại xe ô tô con X biển số 51G-506.48, số khung RLLJA695EGH941515, số máy F18D4163140398 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 320588 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bị đơn ngày 14 tháng 11 năm 2017) theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải hình thành trong tương lai số LD1732400810/HĐTC ngày 20 tháng 11 năm 2017 và được đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm số đăng ký 1269479517 ngày 21 tháng 11 năm 2017.

Bị đơn là Công ty CP Đầu tư G không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa

án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là Công ty CP Đầu tư G có trụ sở tại Số 1 đường H, phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] . Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L, sinh năm 1979 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Tuy nhiên, theo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa thì ông L đã bán nhà, không còn ở tại Khu phố V, phường T, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, nhưng vẫn còn hộ khẩu ở phường Trường Sơn, không ai rõ địa chỉ mới của ông L. Do không tìm được địa chỉ cư trú của đương sự và việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo nên Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu nguyên đơn thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Đài tiếng nói Việt Nam đã phát sóng phát thanh theo thỏa thuận với nguyên đơn trên sóng AM tần số 657KHz, khung giờ từ 06 giờ 30 phút đến 07 giờ và từ 14 giờ 30 phút đến 15 giờ từ ngày 06 đến ngày 08 tháng 5 năm 2021 và đăng trên Báo Pháp luật Việt Nam số 113 ngày 23 tháng 4 năm 2021; số 114 ngày 24 tháng 4 năm 2021; số 115 ngày 25 tháng 4 năm 2021.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn 277.614.128 đồng nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số LD1732400810 ngày 20 tháng 11 năm 2017 kèm theo Phụ lục tài sản bảo đảm và Phụ lục các điều khoản chung; Giấy nhận nợ số LD1732500703 ngày 21 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này có tài sản bảo đảm là xe ô tô con K biển số 51G-506.48, số khung RLLJA695EGH941515, số máy F18D4163140398 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 320588 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bị đơn ngày 14 tháng 11 năm 2017).

[6] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng này dù chưa đến hạn cũng được chuyển sang nợ quá hạn phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại điểm a Điều 2 Phụ lục các điều khoản chung đính kèm Hợp đồng tín dụng số LD1732400810 ngày 20 tháng 11 năm 2017; Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 15 tháng 10 năm 2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các khoản 1 và 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực thi hành tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng), yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 325.289.616 đồng còn nợ, gồm: 277.614.128 đồng nợ gốc, 32.345.002 đồng nợ lãi trong hạn, 12.888.708 đồng nợ lãi quá hạn và 2.441.778 đồng tiền lãi chậm trả của tiền lãi trên nợ gốc đến ngày 18 tháng 02 năm 2022 của hợp đồng nêu trên, có căn cứ để được chấp nhận.

[7] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[8] Để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn 01 xe ô tô con K biển số 51G-506.48, số khung RLLJA695EGH941515, số máy F18D4163140398 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 320588 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bị đơn ngày 14 tháng 11 năm 2017) theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải hình thành trong tương lai số LD1732400810/HĐTC ngày 20 tháng 11 năm 2017 và được đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm số đăng ký 1269479517 ngày 21 tháng 11 năm 2017. Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ

giới đường bộ ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì xe ô tô con nhãn hiệu K, số loại Cruze, màu nâu, biển số 51G-506.48, số khung RLLJA695EGH941515, số máy F18D4163140398, ngày đăng ký mới ngày 14 tháng 11 năm 2017, ngày đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2017, chủ xe là Công ty CP Đầu tư G có trụ sở tại Số 68 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[9] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Việc thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và Điều 2, Điều 3 Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp nên yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và các điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.264.481 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 2, Điều 3 Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp; Các điều 299, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm

2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Buộc Công ty CP Đầu tư G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 325.289.616 đồng còn nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1732400810 ngày 20 tháng 11 năm 2017 kèm theo Phụ lục tài sản bảo đảm và Phụ lục các điều khoản chung, gồm: 277.614.128 đồng nợ gốc, 32.345.002 đồng nợ lãi trong hạn, 12.888.708 đồng nợ lãi quá hạn và 2.441.778 đồng tiền lãi chậm trả của tiền lãi trên nợ gốc tính đến ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Trường hợp Công ty CP Đầu tư G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô con K biển số 51G-506.48, số khung RLLJA695EGH941515, số máy F18D4163140398 (Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 320588 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bị đơn ngày 14 tháng 11 năm 2017) theo Hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải hình thành trong tương lai số LD1732400810/HĐTC ngày 20 tháng 11 năm 2017 và được đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm số đăng ký 1269479517 ngày 21 tháng 11 năm 2017 theo quy định pháp luật để thi hành án.

2. Về án phí: Công ty CP Đầu tư G phải chịu 16.264.481 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 7.440.290 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0030144 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1732400810 ngày 20 tháng 11 năm 2017 kèm theo Phụ lục tài sản bảo đảm và Phụ lục các điều khoản chung và Giấy nhận nợ số LD1732500703 ngày 21 tháng 11 năm 2017. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Minh